

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG RA QUYẾT ĐỊNH ĐỘC LẬP CỦA SINH VIÊN

Huỳnh Thị Thu Thanh, Vũ Trần Minh Thư, Nguyễn Thị Mỹ Duyên
Sinh viên ngành Tâm lý học, Trường Đại học Sài Gòn
Đặng Thị Thanh Hà
Trường Đại học Sài Gòn
Email: dttha@sgu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết hệ thống hoá cơ sở lý luận về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên Việt Nam theo các khía cạnh: Khái niệm khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên; Các yếu tố thuộc về bản thân sinh viên và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên.

Từ khóa: yếu tố, ảnh hưởng, ra quyết định, sinh viên.

SOME FACTORS AFFECTING STUDENTS' INDEPENDENT DECISION-MAKING ABILITY

Abstract: This article systematizes the theoretical foundations of factors influencing Vietnamese students' independent decision-making ability. It focuses on three main aspects: the conceptualization of independent decision-making ability among students, individual factors related to students themselves, and external factors that shape their capacity for independent decision-making.

Keywords: factors; influence; decision-making; students.

Nhận bài: 26/02/2026

Phản biện: 25/03/2026

Duyệt đăng: 29/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên là một năng lực quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống của sinh viên. Đây là một năng lực phức hợp, được hình thành thông qua sự tương tác giữa các yếu tố cá nhân, gia đình và môi trường xã hội – học tập. Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy không có yếu tố đơn lẻ nào quyết định hoàn toàn mức độ độc lập trong quyết định, mà năng lực này được phát triển dần thông qua quá trình xã hội hóa, trải nghiệm và tự điều chỉnh của cá nhân. Trên cơ sở đó, bài viết này tiếp cận các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên theo ba nhóm chính: yếu tố cá nhân, yếu tố gia đình và yếu tố môi trường xã hội – học tập. Góp phần hoàn thiện bức tranh tổng quan về cơ sở lý luận, kế thừa cho những nghiên cứu liên quan đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên

Khả năng ra quyết định là năng lực nhận thức – hành vi cho phép cá nhân nhận diện vấn đề, đánh giá phương án, lựa chọn và chịu trách nhiệm với quyết định đã đưa ra. Khả năng ra quyết định độc lập trong nghiên cứu này được hiểu là năng lực cá nhân tự đưa ra quyết định dựa trên đánh giá và

giá trị cá nhân, không phụ thuộc quá mức vào áp lực bên ngoài. Như vậy khả năng ra quyết định độc lập không chỉ là khả năng lựa chọn phương án, mà là một năng lực tâm lý – hành vi phức hợp, bao gồm động cơ nội tại, niềm tin năng lực bản thân, khả năng tự đánh giá và tinh thần chịu trách nhiệm. (Leon Mann và cộng sự, 1989; Deci & Ryan, 1985; Bandura, 1997; Zimmerman, 2000).

Khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên là sự biểu hiện cụ thể của năng lực ra quyết định độc lập trong bối cảnh giáo dục đại học – nơi cá nhân phải đối mặt với nhiều lựa chọn có tính hệ trọng và lâu dài về học tập, nghề nghiệp và quan hệ xã hội đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển tâm lý – xã hội (Erik, 1968, tr.131–134). Từ góc độ giáo dục đại học, các nhà nghiên cứu cho rằng sinh viên có khả năng ra quyết định độc lập tốt thường là những người được học tập trong môi trường hỗ trợ tự chủ, có cơ hội trải nghiệm lựa chọn và được khuyến khích phản tư về quyết định của mình (Niemic & Ryan, 2009, tr.138–140).

Trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy việc đưa ra quyết định của sinh viên vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố xã hội, đặc biệt là gia đình và các chuẩn mực tập thể. Lê Thị Thu Hà (2015) chỉ ra rằng nhiều sinh viên còn có xu hướng tham khảo ý kiến gia đình và bạn

bè trước khi đưa ra các quyết định quan trọng. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu về hành vi lựa chọn ngành học và nơi làm việc của sinh viên, trong đó yếu tố định hướng từ gia đình, cơ hội nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình ra quyết định (Đào Thị Duy Duyên và cộng sự; Linh Thị Huyền, 2025). Bên cạnh đó, nghiên cứu của Đặng Thị Kim Ánh và Nguyễn Thị Nhung (2025) cho thấy mức độ ủng hộ tính tự chủ từ cha mẹ có mối liên hệ tích cực với hành vi tự chủ của sinh viên, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến khả năng tự đưa ra quyết định. Những kết quả này cho thấy khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên Việt Nam mang những đặc điểm riêng gắn với bối cảnh văn hóa Á Đông, nơi các mối quan hệ gia đình và tính cộng đồng vẫn giữ vai trò định hướng mạnh mẽ đối với các lựa chọn cá nhân. Như vậy, khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên trong nghiên cứu này được hiểu là: “Năng lực của sinh viên trong việc tự nhận diện vấn đề, đánh giá các phương án lựa chọn, đưa ra quyết định dựa trên giá trị và mục tiêu cá nhân, đồng thời chịu trách nhiệm với quyết định đó, trong bối cảnh chịu tác động từ gia đình, nhà trường và xã hội.”

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên

Khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên là một năng lực phức hợp, được hình thành thông qua sự tương tác giữa các yếu tố cá nhân, gia đình và môi trường xã hội – học tập. Nghiên cứu này tiếp cận các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên theo ba nhóm chính: yếu tố cá nhân, yếu tố gia đình và yếu tố môi trường xã hội – học tập.

2.2.1. Yếu tố cá nhân

Trong nghiên cứu về khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên, các yếu tố thuộc về cá nhân đóng vai trò nền tảng, bởi chúng phản ánh những đặc điểm tâm lý bên trong chi phối cách cá nhân nhận thức, đánh giá và lựa chọn hành động trong những tình huống học tập – nghề nghiệp khác nhau. Các yếu tố cá nhân thể hiện năng lực chủ động của người học trong việc kiểm soát hành vi, định hướng mục tiêu và chịu trách nhiệm đối với các quyết định của bản thân. Nhiều học giả trong lĩnh vực tâm lý học giáo dục và tâm lý học động cơ đã khẳng định rằng khả năng ra quyết định không phải là một kỹ năng đơn lẻ, mà là kết quả

tổng hợp của nhiều cấu phần tâm lý cá nhân, trong đó nổi bật là tự hiệu quả bản thân, tính tự chủ, trách nhiệm cá nhân, tự nhận thức bản thân, cùng với tính cách như một đặc điểm tương đối ổn định của cá nhân (Bandura, 1997; Deci & Ryan, 1985; Zimmerman, 2000). Trong khuôn khổ nghiên cứu này, một trong các yếu tố cá nhân được xem là ảnh hưởng nhiều nhất đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên là tự hiệu quả bản thân sẽ được xem xét.

Khái niệm tự hiệu quả bản thân được Albert Bandura đề xuất trong công trình *Self-efficacy: The Exercise of Control* (1997). Theo Bandura, tự hiệu quả bản thân là niềm tin của cá nhân vào khả năng tổ chức và thực hiện các hành động cần thiết để đạt được kết quả mong muốn trong những tình huống cụ thể (Bandura, 1997, tr.3). Đây không phải là đánh giá chung chung về năng lực, mà là niềm tin mang tính tình huống, gắn với từng lĩnh vực hoạt động cụ thể như học tập, nghề nghiệp hay ra quyết định. Trong khuôn khổ lý thuyết nhận thức – xã hội, Bandura nhấn mạnh rằng niềm tin về năng lực cá nhân không chỉ ảnh hưởng đến mức độ nỗ lực, sự kiên trì mà còn chi phối trực tiếp các lựa chọn hành động của cá nhân trong những tình huống đòi hỏi ra quyết định. Self-efficacy có ảnh hưởng trực tiếp đến việc cá nhân lựa chọn hành vi, mức độ nỗ lực bỏ ra, khả năng kiên trì trước khó khăn và cách cá nhân đối diện với thất bại. Trong bối cảnh ra quyết định, self-efficacy đóng vai trò như một cơ chế tâm lý trung gian giữa năng lực thực tế và hành vi lựa chọn. Những cá nhân có mức tự hiệu quả cao thường tin rằng mình có đủ khả năng phân tích thông tin, cân nhắc phương án và đưa ra quyết định phù hợp; ngược lại, cá nhân có self-efficacy thấp dễ né tránh việc ra quyết định hoặc phụ thuộc vào người khác. Tự hiệu quả bản thân ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định thông qua ba cơ chế chính: (1) Cơ chế nhận thức: cá nhân có self-efficacy cao có xu hướng đánh giá tình huống ra quyết định như một thách thức có thể kiểm soát, thay vì mối đe dọa; (2) Cơ chế động cơ: trong môi trường đại học, sinh viên có self-efficacy cao thường chủ động lựa chọn môn học, đề tài nghiên cứu hoặc định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và giá trị cá nhân, thay vì lựa chọn theo số đông; (3) Cơ chế cảm xúc: self-efficacy giúp cá nhân điều tiết cảm xúc tiêu cực như lo lắng, căng thẳng trong quá trình ra quyết

định. Nhiều nghiên cứu cho thấy mức self-efficacy thấp có liên quan chặt chẽ đến hiện tượng trì hoãn quyết định và né tránh trách nhiệm.

Trong môi trường học tập đại học, self-efficacy không chỉ ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn chi phối cách sinh viên đưa ra các quyết định mang tính học thuật và nghề nghiệp. Zimmerman (2000) nhấn mạnh rằng self-efficacy là thành tố cốt lõi của tự điều chỉnh học tập (self-regulated learning), trong đó sinh viên phải liên tục đưa ra các quyết định về chiến lược học tập, phân bổ thời gian và đánh giá tiến độ cá nhân. Cá nhân có mức tự hiệu quả cao thường chủ động hơn trong việc lựa chọn phương án hành động, ít né tránh các tình huống đòi hỏi ra quyết định và sẵn sàng chịu trách nhiệm với hệ quả của quyết định. Trong bối cảnh sinh viên, tự hiệu quả bản thân đóng vai trò nền tảng trong việc hình thành khả năng ra quyết định độc lập, đặc biệt đối với các quyết định học tập và nghề nghiệp. Ngược lại, cá nhân có mức tự hiệu quả thấp dễ phụ thuộc vào ý kiến bên ngoài, tránh đưa ra quyết định hoặc lựa chọn theo số đông nhằm giảm cảm giác bất an (Bandura, 1997). Những đặc điểm này cho thấy tự hiệu quả bản thân đóng vai trò như một động lực nội tại quan trọng, thúc đẩy cá nhân đưa ra quyết định dựa trên đánh giá cá nhân thay vì phụ thuộc vào áp lực hoặc chỉ dẫn từ bên ngoài. Đối với sinh viên, tự hiệu quả bản thân ảnh hưởng trực tiếp đến việc lựa chọn môn học, phương pháp học tập, định hướng nghề nghiệp cũng như các quyết định liên quan đến cuộc sống cá nhân (Linh Thị Huyền, 2025).

2.2.2. Yếu tố gia đình

Gia đình là môi trường xã hội hóa đầu tiên và có vai trò nền tảng trong sự hình thành tính cách, hệ giá trị và năng lực tâm lý của cá nhân. Theo quan điểm của Erikson (1968), trong tiến trình phát triển tâm lý – xã hội, giai đoạn vị thành niên và đầu tuổi trưởng thành là thời kỳ cá nhân phải giải quyết nhiệm vụ phát triển trung tâm là hình thành bản sắc cá nhân (identity formation). Quá trình này gắn liền với việc cá nhân học cách đưa ra lựa chọn, tự chịu trách nhiệm và dần thoát khỏi sự phụ thuộc hoàn toàn vào cha mẹ. Do đó, các yếu tố thuộc về gia đình, đặc biệt là phong cách nuôi dạy, mức độ hỗ trợ cảm xúc – định hướng và mức độ khuyến khích tính độc lập, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên ở giai đoạn trưởng thành.

Trong bối cảnh sinh viên đại học, mặc dù cá nhân đã đạt đến mức độ độc lập tương đối về mặt thể chất và học tập, nhưng ảnh hưởng của gia đình, đặc biệt là phong cách nuôi dạy và mức độ hỗ trợ tâm lý của cha mẹ, vẫn tiếp tục chi phối cách sinh viên tiếp cận và thực hiện các quyết định quan trọng. Nghiên cứu của Đặng Thị Kim Ánh & Nguyễn Thị Nhung (2025) cho thấy mức độ cha mẹ hỗ trợ tự chủ có liên hệ tích cực với nhận thức về tự chủ của sinh viên, khi cha mẹ ủng hộ tự chủ thì sinh viên cảm nhận cao hơn về khả năng tự chủ trong học tập và quyết định cá nhân. Trong nghiên cứu này, yếu tố thuộc về gia đình được xem xét là mức độ hỗ trợ cảm xúc và khuyến khích độc lập từ gia đình.

Hỗ trợ cảm xúc từ gia đình được hiểu là mức độ mà cha mẹ giúp con cái cảm thấy an toàn về mặt tâm lý, biết rằng cảm xúc của mình được lắng nghe và thấu hiểu và có thể bày tỏ quan điểm riêng mà không bị phán xét hay chỉ trích. Ryan & Deci (2000) nhấn mạnh rằng một môi trường gia đình hỗ trợ cảm xúc tạo điều kiện cho nhu cầu tâm lý cơ bản được thỏa mãn, đặc biệt là nhu cầu về autonomy (tự chủ) và relatedness (mối quan hệ gắn bó). Khi những nhu cầu này được đáp ứng, cá nhân phát triển động cơ nội tại mạnh mẽ hơn, có xu hướng chủ động đối mặt với các tình huống phức tạp, trong đó có việc ra quyết định.

Các nghiên cứu tổng hợp cho thấy cha mẹ cung cấp hỗ trợ cảm xúc cao thường giúp trẻ tăng sự tự tin trong lựa chọn và quyết định, giảm cảm giác sợ sai và né tránh quyết định và nâng cao khả năng điều chỉnh cảm xúc khi phải đối mặt với lựa chọn khó khăn.

Ở đối tượng sinh viên, mặc dù cá nhân đã trưởng thành hơn về mặt sinh lý, cảm nhận về sự hỗ trợ cảm xúc từ gia đình vẫn có ảnh hưởng lâu dài đến cách họ tiếp cận các quyết định quan trọng, như việc chọn ngành học, lựa chọn chiến lược học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Khi sinh viên nhận được sự thấu hiểu và khích lệ từ phía gia đình, họ có xu hướng dựa trên những tiêu chí nội tại – như sở thích, mục tiêu cá nhân – để đưa ra quyết định, thay vì chỉ đáp ứng những kỳ vọng bên ngoài. Trong mô hình tổng hợp về khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên, yếu tố gia đình đóng vai trò bối cảnh phát triển – developmental context. Cụ thể, mức độ hỗ trợ cảm xúc và khuyến khích độc lập từ cha

mẹ làm tăng khả năng thỏa mãn nhu cầu tự chủ của sinh viên, hỗ trợ tăng self-efficacy và giảm ảnh hưởng của áp lực bên ngoài trong quá trình ra quyết định. Những khuyến khích độc lập từ gia đình có vai trò quyết định trong việc phát triển khả năng đánh giá thông tin phức tạp, giúp họ chuẩn bị cho việc đưa ra lựa chọn cho bản thân và sẵn sàng chịu trách nhiệm đối với quyết định đó. Và những sinh viên nhận được mức độ khuyến khích độc lập cao từ gia đình thường sẽ ít bị chi phối bởi áp lực kỳ vọng xã hội, họ có khả năng tự điều chỉnh hành vi hiệu quả hơn trong các tình huống ra quyết định và tự cảm thấy quyền tự chủ là điều đáng giá trong suốt hành trình học tập và nghề nghiệp.

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng các yếu tố thuộc về gia đình như mức độ hỗ trợ cảm xúc và định hướng, và mức độ khuyến khích tính độc lập – đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng gián tiếp thông qua sự hình thành bản sắc cá nhân mà còn tác động trực tiếp đến mức độ tự tin, tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi đối diện với các quyết định học tập và nghề nghiệp trong bối cảnh giáo dục đại học.

2.2.3. Yếu tố môi trường xã hội- học tập

Môi trường xã hội – học tập ở đại học không chỉ là nơi truyền đạt tri thức mà còn là không gian xã hội quan trọng, nơi sinh viên thường xuyên phải đưa ra các quyết định liên quan đến học tập, định hướng nghề nghiệp và sự phát triển cá nhân. Theo các tiếp cận tâm lý học hiện đại, đặc biệt là Thuyết Tự quyết của Deci và Ryan, môi trường học tập có khả năng thúc đẩy hoặc cản trở sự phát triển năng lực ra quyết định độc lập thông qua mức độ hỗ trợ tự chủ, cảm nhận năng lực và sự kết nối xã hội (Niemic & Ryan, 2009). Ngoài ra, các mô hình lý thuyết về ra quyết định cho rằng quyết định của cá nhân không diễn ra trong trạng thái cô lập mà chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố xã hội như giảng viên, bạn bè, áp lực học tập và kỳ vọng xã hội (Mann et al., 1989). Trong bối cảnh này, khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên được hình thành và phát triển thông qua sự tương tác liên tục giữa cá nhân và môi trường học tập.

Tác động của môi trường học tập đến hành vi và năng lực của cá nhân không chỉ phụ thuộc vào nội dung đào tạo, mà chủ yếu thông qua việc môi trường đó hỗ trợ hay cản trở các nhu cầu tâm lý

cơ bản, đặc biệt là nhu cầu tự chủ. Trên cơ sở này, các yếu tố môi trường xã hội – học tập trong nghiên cứu hiện tại được tổ chức thành ba nhóm chính: (1) môi trường học tập hỗ trợ tự chủ; (2) trải nghiệm ra quyết định trong học tập; và (3) ảnh hưởng bạn bè cùng áp lực xã hội. Trong đó, yếu tố môi trường học tập hỗ trợ tự chủ được xem xét trong nghiên cứu này.

Môi trường học tập hỗ trợ tự chủ được hiểu là môi trường trong đó sinh viên được khuyến khích chủ động lựa chọn, thể hiện quan điểm cá nhân và tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến hoạt động học tập. Môi trường học tập hỗ trợ tự chủ giúp thúc đẩy động cơ nội tại, sự gắn kết học tập và năng lực tự điều chỉnh của người học (Niemic và Ryan, 2009). Như vậy, môi trường học tập hỗ trợ tự chủ là môi trường trong đó sinh viên cảm nhận được sự tôn trọng, khuyến khích lựa chọn cá nhân và giảm thiểu các áp lực kiểm soát từ bên ngoài. Trong bối cảnh đại học, môi trường này được cấu thành bởi nhiều yếu tố cụ thể, bao gồm: mức độ hỗ trợ từ giảng viên, sự khuyến khích tự chủ trong giảng dạy, ảnh hưởng từ bạn bè học tập, cũng như áp lực học tập và kỳ vọng xã hội.

Giảng viên đóng vai trò trung tâm trong việc hình thành môi trường học tập hỗ trợ tự chủ thông qua cách tổ chức hoạt động học, cho phép sinh viên lựa chọn phương án học tập và khuyến khích tư duy độc lập. Các hành vi này đáp ứng trực tiếp nhu cầu tự chủ của sinh viên theo SDT, từ đó thúc đẩy động lực nội tại và năng lực tự quyết trong học tập (Niemic & Ryan, 2009). Hỗ trợ tự chủ từ giảng viên có thể biểu hiện qua: Giảng viên lắng nghe ý kiến sinh viên, khuyến khích sinh viên đề xuất phương án học tập riêng và tạo không gian để sinh viên lựa chọn đề tài, cách tiếp cận nội dung. Bên cạnh giảng viên, môi trường học tập còn chịu ảnh hưởng từ nhóm bạn bè và các chuẩn mực học tập chung. Mann và cộng sự (1989) cho rằng khi áp lực nhóm và kỳ vọng xã hội mang tính kiểm soát cao, sinh viên dễ bị suy giảm tính độc lập trong quyết định. Ngược lại, môi trường bạn bè mang tính hỗ trợ và tôn trọng lựa chọn cá nhân có thể góp phần củng cố năng lực ra quyết định độc lập. Trong môi trường đại học, mức độ hỗ trợ tự chủ thể hiện thông qua nhiều khía cạnh như: quyền lựa chọn môn học, phương pháp học tập linh hoạt, sự tôn trọng ý kiến sinh viên và cách thức đánh giá mang tính khuyến khích hơn là kiểm soát. Khi sinh viên cảm nhận được rằng các quyết định học

tập của mình được tôn trọng và có giá trị, họ có xu hướng phát triển sự tự tin trong việc đưa ra quyết định và sẵn sàng chịu trách nhiệm với các lựa chọn của bản thân. Ngược lại, môi trường học tập mang tính kiểm soát cao, áp đặt hoặc thiếu linh hoạt có thể làm suy giảm cảm giác tự chủ, khiến sinh viên phụ thuộc vào chỉ dẫn bên ngoài và hạn chế khả năng ra quyết định độc lập. Do đó, môi trường học tập hỗ trợ tự chủ được xem là yếu tố xã hội – học tập quan trọng, tác động trực tiếp đến sự hình thành và phát triển khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên.

III. KẾT LUẬN

Khả năng ra quyết định độc lập của sinh viên là năng lực phức hợp của sinh viên trong việc tự nhận diện vấn đề, đánh giá các phương án lựa chọn, đưa ra quyết định dựa trên giá trị và mục tiêu cá nhân, đồng thời chịu trách nhiệm với quyết định đó. Năng lực này bị ảnh hưởng, tác động bởi các yếu tố thuộc về cá nhân, gia đình và xã hội học tập như: Tự hiệu quả bản thân; Hỗ trợ cảm xúc và khuyến khích độc lập từ gia đình và môi trường học tập hỗ trợ tự chủ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bandura, A. (1997). *Self-efficacy: The exercise of control*. W. H. Freeman.
- Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. Plenum Press.
- Đặng Thị Kim Ánh, & Nguyễn Thị Nhung. (2025). Nhận thức của sinh viên về sự ủng hộ của cha mẹ đối với tính tự chủ. *Tạp chí Giáo dục*, 25(7), 47–52.
- Erikson, E. H. (1968). *Identity: Youth and crisis*. Norton.
- Gati, I. (1986). Making career decisions: A sequential elimination approach. *Journal of Counseling Psychology*, 33(4), 408–417.
- Gati, I., & Asher, I. (2001). The PIC model for career decision making. In F. T. L. Leong & A. Barak (Eds.), *Contemporary models in vocational psychology*. Lawrence Erlbaum Associates.
- John, O. P., & Srivastava, S. (1999). The Big Five trait taxonomy: History, measurement, and theoretical perspectives. In L. A. Pervin & O. P. John (Eds.), *Handbook of personality: Theory and research (2nd ed., pp. 102–138)*. Guilford Press.
- Lê Thị Thu Hà. (2015). Thực trạng nhận thức về kỹ năng ra quyết định của sinh viên các trường đại học hiện nay. *Tạp chí Tâm lý học*.
- Linh Thị Huyền. (2025). Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học của sinh viên Trường Đại học Thành Đông. *Tạp chí Tâm lý học và Giáo dục*.
- Mann, L., Harmoni, R., & Power, C. (1989). Adolescent decision-making. *Journal of Adolescence*, 12(3), 265–282.
- Nguyen, D. V. M. (2020). Psychological factors of mobile phone use while riding. *Transportation Research Forum*.
- Niemiec, C. P., & Ryan, R. M. (2009). Autonomy, competence, and relatedness in the classroom: Applying self-determination theory to educational practice. *Theory and Research in Education*, 7(2), 133–144.
- Pham, T. N. (2025). Enhancing Vietnamese students' intentions to participate in municipal solid waste classification and instruct others on sorting practices. *Journal of Environmental Psychology*.
- Phạm Thị Thu Trang. (2023). Ảnh hưởng của tính tự chủ đến kết quả học tập của sinh viên tại một số trường đại học ở Việt Nam. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*.
- Trần Thị Phương Thảo, & Lại Vũ Kiều Trang. (2024). Tổng quan về phong cách giáo dục của cha mẹ ảnh hưởng đến thái độ sống của con. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Đà Lạt*.
- Zimmerman, B. J. (2000). Attaining self-regulation: A social cognitive perspective. In M. Boekaerts, P. R. Pintrich, & M. Zeidner (Eds.), *Handbook of self-regulation (pp. 13–39)*. Academic Press.